

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	2
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	3 - 11
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	12
Báo cáo kiểm toán độc lập	13 - 14
Báo cáo thu nhập	15
Báo cáo tình hình tài chính	16 - 17
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	18
Báo cáo danh mục đầu tư	19 - 20
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	21 - 22
Thuyết minh báo cáo tài chính	23 - 56

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 90.567.663.400 đồng tương đương với 9.056.766,34 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có xếp hạng tín dụng tốt.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 19 tháng 6 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 15 tháng 3 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Ninh	Thành viên	Ngày 1 tháng 10 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Vũ Quang Đông, chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ"), với tư cách là Công ty quản lý quỹ của Quỹ, chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Đại diện Quỹ phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:



Ông Mạc Quang Huy
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 8,25% và 9,15% so với ngày 31 tháng 12 năm 2019.

3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi đáng kể tùy thuộc vào nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà đầu tư.

Tỷ trọng phân bổ tài sản của Quỹ như sau:

<i>Loại hình đầu tư</i>	<i>Mức độ rủi ro</i>	<i>Tỷ trọng trong giá trị tài sản ròng (NAV)</i>
Cổ phiếu	Trung bình đến cao	50,00%
Tài sản có thu nhập cố định	Thấp đến trung bình	50,00%

Việc phân bổ tài sản có thể tăng/giảm 25,00% so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản. Thông thường tỷ lệ phân bổ vào tài sản có thu nhập cố định sẽ cao hơn khi các điều kiện kinh tế vĩ mô thích hợp với chiến lược đầu tư thận trọng. Tỷ lệ phân bổ vào cổ phiếu sẽ cao hơn nếu điều kiện kinh tế thuận lợi cho chiến lược đầu tư nhắm vào tăng trưởng vốn.

Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với vốn hóa thị trường lớn và thanh khoản tốt. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn hơn cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 do Bộ Tài chính ban hành.

5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Trung bình đến cao

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tổng giá trị tài sản ròng: 193.307.376.421 VNĐ.

Số lượng chứng chỉ quỹ: 9.056.766,34 chứng chỉ quỹ.

9. Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ

Lợi nhuận tham chiếu là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình giản đơn của tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam, tức bằng 50% (năm mươi phần trăm) nhân với tỷ suất sinh lợi của chỉ số VNIndex cộng với 50% (năm mươi phần trăm) nhân với lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam. Dữ liệu về lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 (mười) năm của Chính phủ Việt Nam được lấy từ Reuters hoặc Bloomberg tại ngày đầu tiên của mỗi năm.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận khả năng có thể phân phối lợi nhuận.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

Cơ cấu tài sản quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 (%)	Ngày 31 tháng 12 năm 2018 (%)
Danh mục chứng khoán	72,11	82,01	79,26
Tài sản khác	27,89	17,99	20,74
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	193.307.376.421	200.755.055.682	282.504.033.202
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	9.056.766,34	10.181.438,91	14.902.732,92
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	21.343,97	19.717,74	18.956,52
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	21.343,97	20.441,92	21.133,94
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo	15.912,72	18.754,23	18.164,55
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ (b)	8,25	4,02	-4,27
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	4,99	1,27	-7,86
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	3,25	2,75	3,59
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,24	2,03	2,03
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	41,49	27,79	28,68

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

(c) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
1 năm (từ 1/1/2020 đến 31/12/2020)	8,25	9,15
3 năm (từ 1/1/2018 đến 31/12/2020)	7,79	13,67
3 năm (bình quân năm)	2,53	4,36
Từ khi thành lập	113,44	85,60
Từ khi thành lập (bình quân năm)	11,40	9,20

4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	Năm 2020 (%)	Năm 2019 (%)	Năm 2018 (%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	8,25	4,02	(4,27)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

1. Kinh tế vĩ mô

Trong bối cảnh thế giới có nhiều bất ổn, đại dịch Covid-19 lan rộng và các biện pháp dân cách xã hội được thực hiện trên toàn cầu, kinh tế Việt Nam vẫn kết thúc năm 2020 khá thành công. Một số điểm đáng chú ý như sau:

- ▶ Tăng trưởng GDP đạt 2,9%, trong khi hầu hết các nước trên toàn thế giới ghi nhận mức tăng trưởng âm. Mặc dù khối ngành Dịch vụ bị ảnh hưởng mạnh bởi đại dịch Covid-19 (chỉ tăng 2,3%), tăng trưởng chủ yếu được thúc đẩy bởi khối ngành Công nghiệp và Xây dựng (+4,0%).
- ▶ Thặng dư thương mại lập kỷ lục mới với 19,1 tỷ USD. Xuất khẩu tăng trưởng khá so với 2019, đạt 7,0% với 282,7 tỷ USD nhờ xuất khẩu sang Mỹ tăng mạnh (+25,7%, tương đương 77,1 tỷ USD). Nhập khẩu tăng trưởng 3,7%, đạt 262,7 tỷ USD.
- ▶ Vốn FDI giải ngân giảm nhẹ 2,0%, đạt 20,0 tỷ USD. Vốn FDI cấp phép mới và đăng ký bổ sung giảm 6,6% so với 2019, đạt 21,1 tỷ USD, tuy nhiên trong điều kiện đi lại bị hạn chế, đây vẫn là các con số đáng khích lệ.
- ▶ Lạm phát vẫn giữ ở mức thấp (CPI trung bình cả năm 2020 tăng 3,2% do giá thịt lợn tăng cao trong nửa đầu năm 2020, tuy vậy CPI chỉ tăng 0,2% so với cuối năm 2019). Tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong những tháng cuối năm từ mức thấp 1,3% của quý 1 lên 3,7% đến hết Q2, 6,0% sau 9 tháng và đạt 12,1% cho cả năm 2020.
- ▶ Tỷ giá ổn định với giá trị VNĐ gần như không đổi so với đầu năm 2020. Đáng chú ý là vào ngày 16/12/2020, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đưa Việt Nam vào danh sách các nước thao túng tiền tệ chủ yếu là vì thặng dư thương mại lớn (và đang tăng) của Việt Nam với Hoa Kỳ, thặng dư cán cân thanh toán cao và can thiệp một chiều vào tỷ giá do Việt Nam liên tục mua thêm USD để tăng dự trữ ngoại hối. Dự trữ ngoại hối đạt mức 100 tỷ USD trong năm 2020, tăng 26,6% so với năm 2019.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

2. Thị trường trái phiếu

Trong năm 2020, Kho bạc Nhà nước đã phát hành 326 nghìn tỷ đồng, cao hơn 64,8% khối lượng phát hành năm 2019 và vượt kế hoạch ban đầu 25,4%. Khối lượng dự thầu gấp 2,6 lần khối lượng gọi thầu và 3,3 lần khối lượng phát hành. Trái phiếu Chính phủ 10 năm và 15 năm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cả khối lượng dự thầu (80%) và khối lượng phát hành (79%).

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ tiếp tục giảm mạnh ở mọi kỳ hạn, mạnh nhất ở kỳ hạn 10 và 15 năm với mức giảm gần 100 điểm phần trăm. Các kỳ hạn khác cũng giảm tới 60-75 điểm phần trăm. Một số yếu tố chính ảnh hưởng tới thanh khoản hệ thống ngân hàng, theo đó khiến cầu Trái phiếu Chính phủ ngày một lớn, đẩy lợi suất xuống mức thấp kỷ lục gồm:

- ▶ Niềm tin của các tổ chức tham gia thị trường tiếp tục được củng cố nhờ sự kiểm soát tốt các đợt bùng phát dịch và sự hồi phục mạnh mẽ của nền kinh tế. Tin tích cực về các loại vaccines được chấp thuận trên thế giới đã củng cố thêm sự lạc quan trên thị trường.
- ▶ Tăng trưởng tín dụng năm 2020 mặc dù cao hơn dự kiến (12-13% so với 9-10%) vẫn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 14% của những năm trước.
- ▶ Ngân hàng Nhà nước liên tục mua vào USD và bơm tiền đồng ra nền kinh tế.
- ▶ Ngân hàng Nhà nước không có bất kỳ động thái nào nhằm hút bớt thanh khoản ra khỏi hệ thống, thể hiện quyết tâm trong việc buộc các ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động, và theo đó giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp

Trong năm 2020, giá trị Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành đạt 403,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 69,10% khối lượng đăng ký. Ngân hàng và các công ty bất động sản chiếm tương ứng 35,80% và 42,60% tổng khối lượng phát hành. Trong khi lợi tức trái phiếu tổ chức tín dụng liên tiếp giảm trong cả năm 2020, lợi tức trái phiếu các doanh nghiệp phi tín dụng duy trì tương đối ổn định ở mức 10-11%. Từ ngày 01/01/2021, việc phát hành trái phiếu riêng lẻ sẽ được điều chỉnh bởi Nghị định 153/2020/NĐ-CP và việc phát hành trái phiếu ra công chúng sẽ được điều chỉnh bởi Luật chứng khoán và Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Thay đổi lớn nhất của Nghị định 153/2020/NĐ-CP là quy định chỉ các nhà đầu tư chuyên nghiệp được tham gia đầu tư trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ và thay đổi lớn nhất của Luật Chứng khoán và Nghị định 155/2020/NĐ-CP về phát hành trái phiếu ra công chúng là việc yêu cầu phải có xếp hạng định mức tín nhiệm đối với các tổ chức phát hành (i) có khối lượng trái phiếu phát hành trên 500 tỉ đồng trong vòng 12 tháng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu; hoặc (ii) có dư nợ trái phiếu doanh nghiệp lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu.

3. Thị trường cổ phiếu

Chỉ số VNI tăng 14,9% trong năm 2020, so với mức tăng chỉ 7,7% của năm 2019. Trong quý 1/2020, chỉ số VNI giảm 31,1% trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu. Từ mức đáy vào cuối tháng 3, VNI đã tăng mạnh trở lại 67,0% cho đến cuối năm. Trái ngược với năm 2019, một trong những năm ít biến động nhất trong lịch sử thị trường, diễn biến hình chữ V năm 2020 cho thấy mức độ biến động thậm chí còn cao hơn so với năm 2018, năm mà chỉ số VNI đạt mức đỉnh cao nhất mọi thời đại và sau đó giảm mạnh. Cũng trái ngược với năm 2019, các cổ phiếu vốn hóa lớn có mức tăng trưởng thấp hơn các cổ phiếu vốn hóa nhỏ và trung bình trong năm 2020 khi chỉ số VN30 tăng 21,8% trong khi VN70 và VNSmallCap lần lượt tăng 36,3% và 37,8% trong năm. Chỉ số chứng khoán sàn Hà Nội, HNXIndex thậm chí còn tăng 98,2% vào năm 2020.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

3. Thị trường cổ phiếu (tiếp theo)

Trong cả năm 2020, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày toàn thị trường tăng 57,0% so với cùng kỳ lên 329,6 triệu USD. Thanh khoản tăng mạnh chủ yếu do các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt, có thể thấy thông qua số lượng tài khoản mở mới. Trong cả năm 2020, các nhà đầu tư trong nước đã mở 392.500 tài khoản mới, cao hơn gấp đôi so với năm ngoái và cũng là mức cao nhất trong 20 năm qua. Trong những tuần cuối cùng của tháng 12, dòng tiền và số lượng lệnh giao dịch khổng lồ đã gây ra sự cố kỹ thuật trên HSX, khiến giao dịch trên sàn này thường bị đình trệ khi giá trị giao dịch trong ngày vượt quá ~ 600 triệu USD. Mặc dù HSX đã quyết định tăng lô giao dịch tối thiểu từ 10 lên 100 cổ phiếu để giảm số lượng lệnh đặt trên thị trường kể từ đầu năm 2021, nhưng độ trễ hệ thống dường như không được giải quyết khi giá trị giao dịch hàng ngày tăng lên trên 700 triệu USD. Trái ngược với các nhà đầu tư trong nước, khối ngoại đã liên tục bán ròng 995,6 triệu USD trong năm 2020, so với tổng giá trị mua ròng 205,8 triệu của năm 2019.

Trong năm 2020, tất cả 12 ngành đều có mức tăng tích cực. Mức tăng mạnh nhất thuộc về nhóm cổ phiếu không được phân loại vào một ngành cụ thể (+105,2%, chủ yếu do Tập đoàn Cao su Việt Nam - GVR) và nhóm cổ phiếu ngành Nguyên vật liệu (+88,2%, chủ yếu dẫn dắt bởi Tập đoàn Hoà Phát -HPG). Các ngành có mức tăng thấp nhất là Năng lượng (+5,7%), Bất động sản (+4,2%) và Tiện ích (+0,8%). Thị trường tăng điểm trên diện rộng khi có tới 75,6% tổng số cổ phiếu niêm yết trên HSX tăng giá, so với chỉ 50,0% trong năm 2019. Không có một cổ phiếu nào có ảnh hưởng quá lớn lên điểm số của VNIndex. Năm cổ phiếu dẫn dắt chỉ đóng góp 53% vào mức tăng của chỉ số, so với mức 138% trong năm 2019.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	3,25	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	4,99	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	8,25	11,40
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	193.307.376.421	200.755.055.682	(3,71)
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	21.343,97	19.717,74	8,25

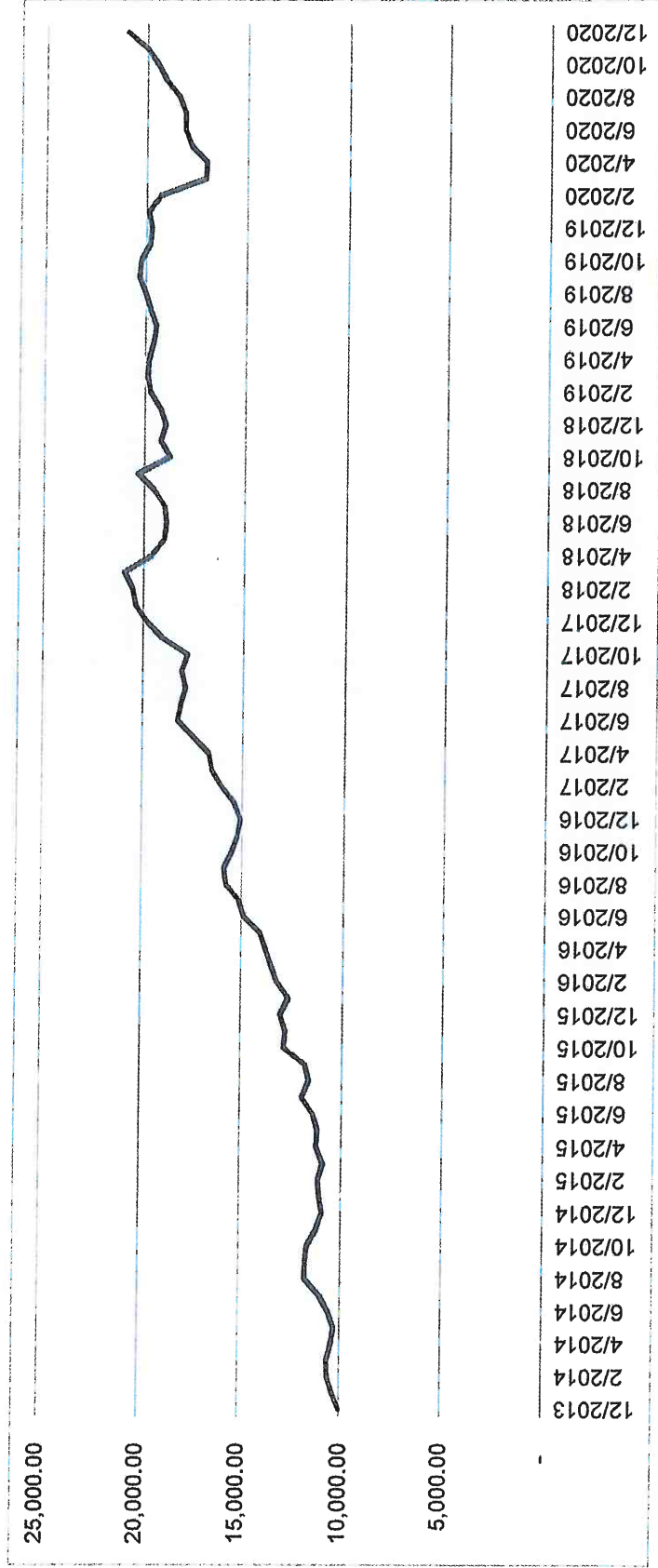
**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)

Biểu đồ thay đổi Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	884	1.260.457,42	13,92
Từ 5.000 đến 10.000	115	798.508,13	8,82
Từ 10.000 đến 50.000	78	1.437.223,93	15,87
Từ 50.000 đến 500.000	10	790.618,51	8,73
Trên 500.000	3	4.769.958,35	52,66
Tổng cộng	1.090	9.056.766,34	100,00

3. Chi phí ngậm và giảm giá: Không có

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Chủ đề chính năm 2021 sẽ là quá trình tái thiết nền kinh tế toàn cầu hậu Covid-19. Với những bước đột phá về vắc-xin, tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ được cải thiện mạnh. Tuy nhiên, các trở ngại trong chuỗi cung ứng và thách thức trong sản xuất hàng loạt sẽ khiến triển vọng phân phối rộng rãi chỉ có thể được thực hiện vào nửa cuối năm nay hoặc thậm chí là sang năm 2022. Cho đến thời điểm đó, quá trình phục hồi có thể sẽ không ổn định vì Covid-19 hoành hành tại nhiều quốc gia. Năm 2021, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ phục hồi 5,2%, theo sau mức giảm 4,4% của năm 2020, chỉ cho thấy sự phục hồi về lại GDP của năm 2019. Chính sách tiền tệ và tài khóa của các nước lớn và các Ngân hàng Trung ương được kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ cho sự phục hồi kinh tế.

Kinh tế của Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng nổi bật trong năm 2021. Mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ là 6,5%, trong khi các tổ chức tài chính toàn cầu dự báo ở mức 7,7%. Chúng tôi cũng cho rằng mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ là có thể đạt được, mặc dù còn nhiều thách thức, nhờ vào nền so sánh thấp trong nửa đầu năm 2020 và kỳ vọng triển khai vắc-xin rộng rãi vào nửa cuối năm 2021, tạo điều kiện cho ngành dịch vụ phục hồi mạnh mẽ.

Về tổng cầu tiêu dùng nội địa, đà tăng mạnh vào cuối năm 2020 được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát huy trong năm 2021. Doanh số bán lẻ hàng hóa cả nước đã tăng trưởng ngoạn mục 13,8% trong tháng 12, mức tăng trưởng tương tự được thấy trước Covid-19.

Về thương mại, lợi thế của một địa điểm sản xuất an toàn sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, một loạt các FTA mới được ký kết/ thực thi (EVFTA, RCEP và UKVFTA) sẽ mang lại nhiều kết quả hơn vào năm 2021. Đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường có mức tăng trưởng âm trong năm 2020 như EU-28 (-2,7%) và ASEAN (-8,7%) cũng sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào thị trường Mỹ.

Đầu tư tư nhân dự kiến cũng sẽ phục hồi, sau khi chỉ tăng trưởng 3,1% trong năm 2020. Tổng cầu tín dụng đã tăng 6,0% chỉ trong quý cuối năm 2020 để kết năm với mức tăng 12,1%, cho thấy niềm tin kinh doanh và tiêu dùng đang được cải thiện, giúp kích thích nhu cầu tín dụng trong môi trường lãi suất thấp. Những nỗ lực gần đây của Chính phủ nhằm thúc đẩy chỉ tiêu công cũng sẽ tạo ra tác động lan tỏa tích cực đến đầu tư của khu vực tư nhân. Đầu tư nước ngoài cũng sẽ phục hồi vào năm 2021 nhờ các FTA mới được ký kết, nhu cầu đa dạng hóa chuỗi cung ứng, rủi ro địa chính trị toàn cầu giảm bớt và đồng USD suy yếu trong nhiệm kỳ của Tổng thống Biden cũng như kỳ vọng các hạn chế đi lại dần được dỡ bỏ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG (tiếp theo)

Các đợt bùng phát dịch Covid-19 (nếu có) được kỳ vọng sẽ được kiểm soát tốt mà không ảnh hưởng quá lớn tới tăng trưởng kinh tế, nhờ kinh nghiệm kiểm soát dịch thành công ở các đợt bùng phát trước.

Các yếu tố ổn định kinh tế vĩ mô sẽ được theo dõi chặt chẽ vào năm 2021. Chúng tôi nhận thấy có rủi ro lạm phát do giá hàng hóa cơ bản đang tăng mạnh. Và thực tế là đồng Nhân dân tệ đã tăng giá 7,1% so với đồng USD trong 12 tháng qua trong khi Đồng Việt Nam gần như đứng giá tạo ra những thách thức hơn nữa, do hàng hóa từ Trung Quốc chiếm đến 32,0% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam vào năm 2020.

Đối với thị trường chứng khoán, định giá đang tăng nhanh nhờ thanh khoản dồi dào, lãi suất giảm và kỳ vọng cao về việc lợi nhuận doanh nghiệp sẽ phục hồi trong năm 2021. Tại thời điểm hiện tại, chỉ số P/E dựa trên lợi nhuận của 12 tháng gần nhất đang ở mức 18,1 lần, rẻ hơn so với hầu hết các thị trường khác trong khu vực. Tuy nhiên, chỉ số này đã cao hơn một độ lệch chuẩn (SD) so với mức trung bình 5 năm qua là 16,3 lần. Hiện tại, dự báo tổng hợp từ Bloomberg dự đoán lợi nhuận doanh nghiệp sẽ tăng trưởng 20,2% trong năm 2021. Điều này dẫn đến P/E dự phóng 2021 là 15,2 lần. Mức định giá này không quá cao so với thời điểm thị trường tạo đỉnh lịch sử vào tháng 4 2018 với mức P/E dựa trên lợi nhuận của 12 tháng gần nhất là 22,0 lần và P/E dự phóng là 20,0 lần. Hơn nữa, lãi suất hiện nay thấp hơn rất nhiều so với thời điểm năm 2018. Tuy nhiên, sự điều chỉnh có thể xuất hiện khi tâm lý thị trường, đặc biệt là từ các nhà đầu tư trong nước, đang rất lạc quan và giá trị giao dịch tăng cao. Mặc dù không thể dự đoán tâm lý nhà đầu tư có thể duy trì tích cực trong bao lâu, nhưng nó có thể thay đổi nhanh và gây ra các đợt điều chỉnh trên thị trường. Chúng tôi cũng kỳ vọng lãi suất, một yếu tố quyết định mối quan tâm của các nhà đầu tư trong nước đối với thị trường chứng khoán, sẽ vẫn ở mức thấp, ít nhất là trong 6 tháng đầu năm 2021.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện quỹ, và Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF ("Quỹ") cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Vũ Hương Giang

Trưởng phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

Trương Thị Hoàng Yến

Nhân viên bộ phận Giám sát

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
Head Office

P1810-1815, Keangnam Hanoi Landmark,
E6 Phạm Hùng, Mễ Trì Ward,
South Tu Liêm District, Hanoi

Tel : (84 24) 3936 8000
Fax: (84 24) 3837 8356
Swift: SCBLNVX

Here for good

Số tham chiếu: 61141024/22027443

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 15 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Nguyễn Đăng Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4415-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		18.118.362.041	16.383.746.921
02	1.1 Cổ tức được chia		3.334.417.600	5.973.966.200
03	1.2 Tiền lãi được nhận	14	6.772.559.644	5.760.942.727
04	1.3 (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư	15	(15.891.311.904)	14.805.942.780
05	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	23.902.696.701	(10.157.104.786)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		152.210.791	153.302.044
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	16	152.210.791	153.302.044
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỜ		3.900.424.481	5.149.648.987
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mờ	25.1	2.711.457.714	3.913.165.480
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mờ	17	269.057.093	277.004.860
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	25.2	237.600.000	237.600.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mờ	25.2	237.600.000	237.600.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mờ		36.918.483	69.129.756
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		145.200.000	145.200.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	18	130.591.191	137.948.891
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		14.065.726.769	11.080.795.890
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		129.357.531	446.918.317
24.1	5.1 Thu nhập khác	19	129.357.531	446.918.317
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		14.195.084.300	11.527.714.207
31	6.1 (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện		(9.707.612.401)	21.684.818.993
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	5	23.902.696.701	(10.157.104.786)
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		14.195.084.300	11.527.714.207

Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	21.243.175.890	1.538.354.893
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		4.702.380.553	1.538.354.893
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		16.540.795.337	-
120	2. Các khoản đầu tư thuần		169.949.434.205	197.741.560.077
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	169.949.434.205	197.741.560.077
130	3. Các khoản phải thu		2.885.212.751	2.902.803.418
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	1.174.852.900
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		2.885.212.751	1.727.950.518
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	2.885.212.751	1.727.950.518
100	TỔNG TÀI SẢN		194.077.822.846	202.182.718.388
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	7	39.907.859	110.003.019
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		6.380.889	1.687.681
316	3. Chi phí phải trả	8	145.200.000	72.600.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	9	141.004.691	759.400.000
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	10	124.494.491	124.494.491
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	11	313.458.495	359.477.515
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		770.446.425	1.427.662.706
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ		193.307.376.421	200.755.055.682
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		90.567.663.400	101.814.389.100
412	1.1 Vốn góp phát hành	12	258.919.706.900	249.207.476.300
413	1.2 Vốn góp mua lại	12	(168.352.043.500)	(147.393.087.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư	12	1.626.174.040	12.022.211.901
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	13	101.113.538.981	86.918.454.681
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ	12	21.343,97	19.717,74

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020


B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	12	9.056.766,34	10.181.438,91



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thủy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	200.755.055.682	282.504.033.202
II	Thay đổi NAV so với năm trước	14.195.084.300	11.527.714.207
II.1	Trong đó: - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	14.195.084.300	11.527.714.207
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ	(21.642.763.561)	(93.276.691.727)
III.1	Trong đó: - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	18.182.928.293	49.284.090.988
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(39.825.691.854)	(142.560.782.715)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm	193.307.376.421	200.755.055.682



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ




Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)
I	Cổ phiếu niêm yết			103.769.496.400	53,47
1	ACB	101.353	28.100	2.848.019.300	1,47
2	ACV	14.000	81.000	1.134.000.000	0,58
3	BMP	47.600	62.600	2.979.760.000	1,54
4	BSR	255.000	9.900	2.524.500.000	1,30
5	BVH	62.190	66.000	4.104.540.000	2,11
6	BWE	135.720	33.800	4.587.336.000	2,36
7	CTG	59.000	34.550	2.038.450.000	1,05
8	FPT	158.733	59.100	9.381.120.300	4,83
9	HCM	6	31.400	188.400	0,00
10	HPG	152.456	41.450	6.319.301.200	3,26
11	HT1	109.300	17.450	1.907.285.000	0,98
12	IMP	77.486	56.300	4.362.461.800	2,25
13	MBB	425.513	23.000	9.786.799.000	5,04
14	MWG	21.860	118.900	2.599.154.000	1,34
15	NCT	29.800	70.000	2.086.000.000	1,07
16	NLG	91.000	29.500	2.684.500.000	1,38
17	PME	52.980	76.500	4.052.970.000	2,09
18	PNJ	53.679	81.000	4.347.999.000	2,24
19	POW	343.000	13.600	4.664.800.000	2,40
20	PVS	322.345	17.800	5.737.741.000	2,96
21	QNS	84.200	39.300	3.309.060.000	1,71
22	REE	72.340	48.950	3.541.043.000	1,82
23	TCM	4	52.000	208.000	0,00
24	VHC	10	41.400	414.000	0,00
25	VHM	35.320	89.500	3.161.140.000	1,63
26	VNM	71.148	108.800	7.740.902.400	3,99
27	VRE	103.900	31.400	3.262.460.000	1,68
28	VTP	42.464	108.500	4.607.344.000	2,39

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (%)
II	Trái phiếu			36.179.937.805	18,64
1	Trái phiếu niêm yết			23.336.189.680	12,02
1.1	- MSN11906	150.000	101.538,896	15.230.834.400	7,84
1.2	- VHM11801	80.000	101.316,941	8.105.355.280	4,18
2	Trái phiếu chưa niêm yết			12.843.748.125	6,62
2.1	- Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô	127	101.131.875	12.843.748.125	6,62
III	Các tài sản khác			2.885.212.751	1,49
1	Dự thu cổ tức			3.000	0,00
2	Dự thu lãi trái phiếu			1.194.124.657	0,62
3	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			1.469.232.877	0,76
4	Dự thu lãi tiền gửi			221.852.217	0,11
IV	Tiền			51.243.175.890	26,40
1	Tiền gửi ngân hàng			31.243.175.890	16,09
1.1	- Tiền gửi thanh toán			4.702.380.553	2,42
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			16.540.795.337	8,52
1.3	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			10.000.000.000	5,15
2	Chứng chỉ tiền gửi			20.000.000.000	10,31
V	Tổng giá trị danh mục			194.077.822.846	100,00


 Bà Trần Thị Hà Linh
 Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ


 Ông Vũ Quang Đông
 Tổng Giám đốc


 Bà Võ Thị Thùy Linh
 Người lập biểu


 Bà Nguyễn Băng Tâm
 Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		14.195.084.300	11.527.714.207
02	2. Điều chỉnh cho các khoản (giảm)/tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(23.830.096.701)	10.163.704.786
03	(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(23.902.696.701)	10.157.104.786
04	Chi phí trích trước		72.600.000	6.600.000
05	3. (Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(9.635.012.401)	21.691.418.993
20	Giảm các khoản đầu tư		51.694.822.573	54.046.528.792
06	Giảm/(tăng) phải thu bán chứng khoán đầu tư		1.174.852.900	(1.174.852.900)
07	(Tăng)/giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(1.157.262.233)	2.691.803.015
11	Giảm phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		(70.095.160)	(16.902.293)
13	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		4.693.208	(3.068.194)
14	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ		(618.395.309)	(201.617.899)
17	Giảm phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(46.019.020)	(91.624.685)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		41.347.584.558	76.941.684.829
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	12	18.182.928.293	49.284.090.988
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	12	(39.825.691.854)	(142.560.782.715)
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(21.642.763.561)	(93.276.691.727)
40	III. Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm		19.704.820.997	(16.335.006.898)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		1.538.354.893	17.873.361.791
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		1.538.354.893	17.873.361.791
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		654.460.402	16.787.849.401
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	4	-	13.518.034.153
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ	4	654.460.402	3.269.815.248
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	4	883.894.491	1.085.512.390
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		21.243.175.890	1.538.354.893
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		21.243.175.890	1.538.354.893
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		20.977.676.708	654.460.402
	Trong đó:			
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		16.540.795.337	-
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		4.436.881.371	654.460.402
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ		265.499.182	883.894.491
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		19.704.820.997	(16.335.006.898)



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 44/GCN-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2013 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 07/GCN-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ").

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép số 06/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005, và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 6.042.661,45 chứng chỉ với tổng giá trị là 60.426.614.500 đồng, chiếm 120,85% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 90.567.663.400 đồng, tương đương với 9.056.766,34 chứng chỉ quỹ.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt. Tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt bao gồm tiền gửi ngân hàng, giấy tờ có giá, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các loại tài sản có thu nhập cố định khác. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư khi trái phiếu đáp ứng được một số yêu cầu về an toàn và quy định của pháp luật. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được Nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.

Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Trái phiếu doanh nghiệp chỉ được xem xét đầu tư nếu được phát hành bởi các công ty có chất lượng tín dụng cao và/hoặc trái phiếu được bảo lãnh bởi các ngân hàng có uy tín và thỏa mãn các yêu cầu của pháp luật.

Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.

Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, VCBF đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, VCBF sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.

Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên, tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Tư không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó. Trong trường hợp ngày làm việc tiếp theo là ngày thứ Ba thì ngày giao dịch sẽ là ngày thứ Tư của tuần đó.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của pháp luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bao gồm ít nhất sáu (6) tổ chức phát hành, đồng thời phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại Ngân hàng Giám sát, tổng giá trị các khoản đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng không được vượt quá bốn mươi chín phần trăm (49%) của tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- b) Tổng giá trị các khoản đầu tư vào các loại giấy tờ có giá và chứng khoán phát hành của một tổ chức (bao gồm công cụ thị trường tiền tệ, công cụ chuyển nhượng, chứng khoán) có giá trị từ năm phần trăm (5%) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- c) Tổng giá trị của tất cả các chứng khoán, bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại, ngoại tệ; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch; trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam, không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro, được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm các công ty có quan hệ sở hữu với nhau không được vượt quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- d) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào tất cả các chứng khoán bao gồm các loại giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu (không bao gồm trái phiếu Chính phủ), cổ phiếu có quyền biểu quyết, cổ phiếu không có quyền biểu quyết, trái phiếu chuyển đổi phát hành bởi một tổ chức không được vượt quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- e) Tổng giá trị đầu tư của Quỹ vào chứng khoán (trừ trái phiếu Chính phủ) của một tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị của các chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó;
- f) Tổng giá trị trái phiếu và cổ phiếu chuẩn bị niêm yết hoặc chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam và trái phiếu doanh nghiệp được phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành không được vượt quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g) Tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ; và
- h) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản.

Quỹ sẽ không thực hiện đầu tư vào:

- a) Đơn vị của các quỹ đầu tư hoặc cổ phần của các công ty đầu tư chứng khoán được thành lập và hoạt động tại Việt Nam; hoặc
- b) Trực tiếp nắm giữ bất động sản, đá quý, kim loại quý hoặc hàng hóa.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

Cơ cấu đầu tư của Quỹ được phép sai lệch so với các hạn chế được đưa ra ở trên, ngoại trừ điểm (g) và chỉ vì các lý do sau:

- a) Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- b) Thực hiện các khoản thanh toán phù hợp với pháp luật của Quỹ;
- c) Thực hiện các lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- d) Các hoạt động sáp nhập và hợp nhất của các tổ chức phát hành các chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ;
- e) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (6) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ; hoặc
- f) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng ba (3) tháng kể từ ngày mà sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư như quy định bởi pháp luật hoặc Điều lệ hoặc Bản cáo bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày sai lệch xảy ra và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 183/2011/TT-BTC ("Thông tư 183") ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183 và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (*Thuyết minh 3.3*).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính và danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VNĐ").

2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 *Ước tính kế toán*

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong năm. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua, bán chứng chỉ quỹ chờ xử lý, tiền gửi phong tỏa, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

3.3 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng.

Nguyên tắc phân loại

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng, chứng chỉ tiền gửi được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở, Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là giá yết cuối ngày (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế (nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế). Thông tin về giá yết cuối ngày được lấy trên trang web chính thức của Sở giao dịch chứng khoán. Trường hợp không có thông tin về giá yết cuối ngày, giá sử dụng là giá giao dịch bình quân trong ngày, được tính dựa trên thông tin giao dịch công bố trên trang web chính thức của Sở giao dịch chứng khoán; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến Ngày Định Giá, hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường hơn $\pm 10,0\%$ khi so sánh với giá từ hệ thống báo giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên 1 năm; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (discount cash flow) áp dụng đối với trái phiếu có thời hạn nắm giữ còn lại trên 1 năm; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Trái phiếu (tiếp theo)		
7.	Trái phiếu không niêm yết (tiếp theo)	- Trường hợp trái phiếu chính phủ/trái phiếu chính phủ bảo lãnh/trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến Ngày Định Giá hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận. - Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.
9.	Cổ phiếu chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của VCBF. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: + Giá trung bình từ các báo giá trong trường hợp có ít nhất hai báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (3) tháng tính đến Ngày Định Giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Cổ phiếu (tiếp theo)		
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: - Giá xác định theo phương pháp chỉ số định giá so sánh; hoặc - Giá mua/ giá trị vốn góp; hoặc - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành cổ phiếu mới}) \times \text{tỷ lệ thực hiện quyền}\}$ Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = $\frac{\text{Số cổ phiếu được mua}}{\text{Số lượng quyền mua sở hữu}}$.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Nguyên tắc định giá (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng hai (2) tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

3.4 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.5 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

3.5.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

3.5.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối niên độ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

3.5.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Bản cáo bạch, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoặc thu nhập trong năm. Trong đó, dự phòng liên quan đến phải thu bán các khoản đầu tư được ghi nhận làm tăng chi phí trong năm, dự phòng liên quan đến cổ tức, trái tức và lãi tiền gửi được ghi nhận làm giảm thu nhập trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua, bán chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

3.8 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư

Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ và Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng. Theo quy định của Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 thì Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư mà Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ tối đa là 2% giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ.

(i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,50% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.8 Các khoản chi phí (tiếp theo)

3.8.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư (tiếp theo)

(ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

(iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng.

3.8.2 Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.3 Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trên không bao gồm các phí lưu ký phải thanh toán cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, chi phí giao dịch và đăng ký chứng khoán... Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

3.8.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

3.10 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quý không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quý có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quý trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quý trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.10 Thuế (tiếp theo)

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

3.11 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.12 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

3.13 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.13 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quý xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quý bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về mua và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quý có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.14 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	4.436.881.371	654.460.402
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng chỉ quỹ	265.499.182	883.894.491
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	16.540.795.337	-
	<u>21.243.175.890</u>	<u>1.538.354.893</u>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch do đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá mua VNĐ	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020					
Có phiếu niêm yết	76.778.366.411	103.769.496.400	27.755.649.020	(764.519.031)	103.769.496.400
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	23.256.406.259	23.336.189.680	79.783.421	-	23.336.189.680
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	12.717.155.467	12.843.748.125	126.592.658	-	12.843.748.125
Chứng chỉ tiền gửi (c)	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
	142.751.928.137	169.949.434.205	27.962.025.099	(764.519.031)	169.949.434.205
Ngày 31 tháng 12 năm 2019					
Có phiếu niêm yết	139.371.576.936	142.623.524.650	22.085.169.718	(18.833.222.004)	142.623.524.650
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	11.149.879.957	11.192.741.610	69.453.802	(26.592.149)	11.192.741.610
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-	12.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	16.925.293.817	16.925.293.817	-	-	16.925.293.817
	194.446.750.710	197.741.560.077	22.154.623.520	(18.859.814.153)	197.741.560.077
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					
					23.902.696.701

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

- (a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan và Công ty Cổ phần Vinhomes phát hành, kỳ hạn 3 năm, lãi suất từ 9,20%/năm đến 10,25%/năm, lãi trả 6 tháng/lần.
- (b) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô phát hành, kỳ hạn 2 năm, lãi trả 6 tháng/lần.
- (c) Các chứng chỉ tiền gửi do Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam), Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng và Công ty Tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam phát hành, kỳ hạn từ 1,5 năm đến 3 năm.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Dự thu cổ tức	3.000	437.615.000
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	1.194.124.657	267.336.986
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.469.232.877	446.054.795
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	221.852.217	576.943.737
	<u>2.885.212.751</u>	<u>1.727.950.518</u>

7. PHẢI TRẢ CHO CÁC ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Phải trả cho các Đại lý phân phối	19.953.930	55.001.510
Phải trả Công ty Quản lý Quỹ	19.953.929	55.001.509
	<u>39.907.859</u>	<u>110.003.019</u>

8. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Phí kiểm toán	<u>145.200.000</u>	<u>72.600.000</u>

9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch	<u>141.004.691</u>	<u>759.400.000</u>

10. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>Số cuối năm VNĐ</u>	<u>Số đầu năm VNĐ</u>
Phải trả cho nhà đầu tư về tiền mua lại chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán	<u>124.494.491</u>	<u>124.494.491</u>

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

11. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỜ

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	243.098.495	282.297.515
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.760.000	8.580.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	313.458.495	359.477.515

12. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số đầu năm VNĐ</i>	<i>Phát sinh trong năm VNĐ</i>	<i>Số cuối năm VNĐ</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	24.920.747,63	971.223,06	25.891.970,69
Giá trị ghi theo mệnh giá	249.207.476.300	9.712.230.600	258.919.706.900
Thặng dư vốn	131.535.243.932	8.470.697.693	140.005.941.625
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	380.742.720.232	18.182.928.293	398.925.648.525
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(14.739.308,72)	(2.095.895,63)	(16.835.204,35)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(147.393.087.200)	(20.958.956.300)	(168.352.043.500)
Thặng dư vốn	(119.513.032.031)	(18.866.735.554)	(138.379.767.585)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(266.906.119.231)	(39.825.691.854)	(306.731.811.085)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	10.181.438,91	(1.124.672,57)	9.056.766,34
Giá trị vốn góp hiện hành	113.836.601.001	(21.642.763.561)	92.193.837.440
Lợi nhuận chưa phân phối	86.918.454.681	14.195.084.300	101.113.538.981
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	200.755.055.682		193.307.376.421
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	19.717,74		21.343,97

13. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lợi nhuận đã thực hiện	73.916.032.913	83.623.645.314
Lợi nhuận chưa thực hiện	27.197.506.068	3.294.809.367
	101.113.538.981	86.918.454.681

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

14. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	3.878.113.704	2.566.402.080
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	1.464.383.561	446.054.795
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.412.012.782	2.690.092.354
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	18.049.597	58.393.498
	6.772.559.644	5.760.942.727

15. (LỖ)/LÃI BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lỗ bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	74.920.727.100	90.669.903.525	(15.749.176.425)
Trái phiếu niêm yết	7.000.000.000	7.142.135.479	(142.135.479)
Trái phiếu chưa niêm yết	12.000.000.000	12.000.000.000	-
	93.920.727.100	109.812.039.004	(15.891.311.904)
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi/(lỗ) bán chứng khoán trong năm VNĐ
Cổ phiếu	82.814.981.700	67.985.087.362	14.829.894.338
Trái phiếu niêm yết	21.980.953.998	22.004.905.556	(23.951.558)
	104.795.935.698	89.989.992.918	14.805.942.780

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch bán các khoản đầu tư	106.292.533	119.661.916
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	44.434.915	32.513.090
Chi phí giao dịch khác	1.483.343	1.127.038
	152.210.791	153.302.044

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B06-QM

16. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, giao dịch của Quỹ thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên các công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng Công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)	
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ(*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ trong năm (%) (6)=(4)/(5)		Phí giao dịch bình quân (%) (7)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	Không liên quan	31.997.758.200	145.686.243.170	21,96	0,15	0,00 - 0,15
2	Công ty CP Chứng khoán MB	Không liên quan	18.126.010.000	145.686.243.170	12,44	0,04	0,00 - 0,15
3	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Có liên quan	17.429.916.000	145.686.243.170	11,96	0,11	0,00 - 0,15
4	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Maybank Kim Eng	Không liên quan	16.118.205.500	145.686.243.170	11,06	0,12	0,00 - 0,15
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hồ Chí Minh	Không liên quan	14.511.176.000	145.686.243.170	9,96	0,15	0,00 - 0,15
6	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không liên quan	13.458.690.000	145.686.243.170	9,24	0,15	0,00 - 0,15
7	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	11.120.059.400	145.686.243.170	7,63	0,14	0,00 - 0,15
8	Giao dịch OTC	Không liên quan	22.924.428.070	145.686.243.170	15,75	Không áp dụng	Không áp dụng
Tổng			145.686.243.170		100,00		

(*) Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ có tính đến toàn bộ giao dịch của cổ phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu niêm yết và trái phiếu chưa
 niêm yết.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B06-QM

17. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	216.000.000	216.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	39.820.000	35.640.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam	13.237.093	25.364.860
	269.057.093	277.004.860

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	6.739.726	10.000.000
Phí ngân hàng	3.851.465	4.019.581
Chi phí khác	-	3.929.310
	130.591.191	137.948.891

19. THU NHẬP KHÁC

Thu nhập khác thể hiện khoản phí thu từ việc mua lại chứng chỉ quỹ của các nhà đầu tư.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÕNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ cuối Tháng 12/2019	200.755.055.682	10.181.438,91	19.717,74	0,26
Kỳ 1 Tháng 1/2020	200.757.657.969	10.181.438,91	19.718,00	54,70
Kỳ 2 Tháng 1/2020	201.435.732.683	10.187.568,02	19.772,70	9,80
Kỳ 3 Tháng 1/2020	200.945.575.581	10.157.740,67	19.782,50	269,11
Kỳ 4 Tháng 1/2020	202.892.606.715	10.118.516,75	20.051,61	74,22
Kỳ 5 Tháng 1/2020	203.596.786.785	10.116.188,50	20.125,83	(809,02)
Kỳ cuối Tháng 1/2020	195.357.133.087	10.113.322,26	19.316,81	(236,56)
Kỳ 1 Tháng 2/2020	192.964.767.771	10.113.322,26	19.080,25	222,15
Kỳ 2 Tháng 2/2020	195.044.301.327	10.104.664,67	19.302,40	257,01
Kỳ 3 Tháng 2/2020	197.996.752.025	10.122.838,53	19.559,41	(341,49)
Kỳ 4 Tháng 2/2020	193.798.249.016	10.084.246,13	19.217,92	(151,96)
Kỳ cuối Tháng 2/2020	190.176.591.858	9.974.662,80	19.065,96	168,92
Kỳ 1 Tháng 3/2020	191.861.476.564	9.974.662,80	19.234,88	(849,68)
Kỳ 2 Tháng 3/2020	182.854.889.341	9.945.763,38	18.385,20	(1.398,40)
Kỳ 3 Tháng 3/2020	166.165.595.758	9.782.038,90	16.986,80	(834,55)
Kỳ 4 Tháng 3/2020	157.417.497.207	9.745.851,13	16.152,25	(239,53)
Kỳ cuối Tháng 3/2020	154.618.497.724	9.716.655,20	15.912,72	868,65
Kỳ 1 Tháng 4/2020	162.872.342.080	9.705.542,43	16.781,37	186,46
Kỳ 2 Tháng 4/2020	165.401.413.254	9.747.937,75	16.967,83	64,74
Kỳ 3 Tháng 4/2020	166.859.952.597	9.796.519,06	17.032,57	208,54
Kỳ 4 Tháng 4/2020	168.889.430.444	9.795.739,15	17.241,11	39,99
Kỳ cuối Tháng 4/2020	169.261.643.346	9.794.610,46	17.281,10	(62,24)
Kỳ 1 Tháng 5/2020	168.652.055.878	9.794.610,46	17.218,86	511,80
Kỳ 2 Tháng 5/2020	173.774.628.633	9.800.796,94	17.730,66	97,35
Kỳ 3 Tháng 5/2020	174.631.711.492	9.795.356,32	17.828,01	209,21
Kỳ 4 Tháng 5/2020	176.589.544.478	9.790.281,10	18.037,22	(120,48)
Kỳ cuối Tháng 5/2020	175.134.809.072	9.774.921,18	17.916,74	

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/1 đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng(giảm) NAV/1 đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 6/2020	176.263.114.271	9.774.921,18	18.032,17	115,43
Kỳ 2 Tháng 6/2020	176.796.416.851	9.640.487,06	18.338,95	306,78
Kỳ 3 Tháng 6/2020	172.787.705.914	9.605.091,00	17.989,17	(349,78)
Kỳ 4 Tháng 6/2020	174.520.263.004	9.617.851,91	18.145,45	156,28
Kỳ cuối Tháng 6/2020	171.663.061.665	9.588.260,77	17.903,46	(241,99)
Kỳ 1 Tháng 7/2020	174.110.674.163	9.579.743,52	18.174,87	271,41
Kỳ 2 Tháng 7/2020	174.522.172.085	9.567.619,72	18.240,91	66,04
Kỳ 3 Tháng 7/2020	174.624.735.939	9.565.203,80	18.256,24	15,33
Kỳ 4 Tháng 7/2020	170.148.116.676	9.532.285,20	17.849,66	(406,58)
Kỳ cuối Tháng 7/2020	168.596.863.442	9.508.352,17	17.731,44	(118,22)
Kỳ 1 Tháng 8/2020	171.278.240.075	9.508.352,17	18.013,45	282,01
Kỳ 2 Tháng 8/2020	172.473.522.721	9.485.978,42	18.181,94	168,49
Kỳ 3 Tháng 8/2020	174.877.698.300	9.522.127,70	18.365,40	183,46
Kỳ 4 Tháng 8/2020	178.076.726.583	9.524.884,95	18.695,94	330,54
Kỳ cuối Tháng 8/2020	179.420.767.097	9.553.742,35	18.780,15	84,21
Kỳ 1 Tháng 9/2020	180.119.367.226	9.553.742,35	18.853,27	73,12
Kỳ 2 Tháng 9/2020	179.246.725.248	9.553.213,23	18.762,97	(90,30)
Kỳ 3 Tháng 9/2020	181.062.256.135	9.556.129,98	18.947,23	184,26
Kỳ 4 Tháng 9/2020	183.403.772.568	9.574.735,77	19.154,96	207,73
Kỳ 5 Tháng 9/2020	183.230.639.123	9.543.473,23	19.199,57	44,61
Kỳ cuối Tháng 9/2020	183.511.093.107	9.533.307,45	19.249,46	49,89
Kỳ 1 Tháng 10/2020	185.135.128.467	9.533.307,45	19.419,82	170,36
Kỳ 2 Tháng 10/2020	182.561.372.059	9.417.363,86	19.385,61	(34,21)
Kỳ 3 Tháng 10/2020	183.200.173.648	9.371.143,56	19.549,39	163,78
Kỳ 4 Tháng 10/2020	182.428.548.702	9.355.592,71	19.499,41	(49,98)
Kỳ cuối Tháng 10/2020	180.509.447.753	9.321.012,33	19.365,86	(133,55)

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
 Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

20. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 11/2020	181.678.358.979	9.321.012,33	19.491,26	125,40
Kỳ 2 Tháng 11/2020	183.398.218.793	9.310.490,82	19.698,01	206,75
Kỳ 3 Tháng 11/2020	186.148.717.032	9.309.866,92	19.994,77	296,76
Kỳ 4 Tháng 11/2020	188.312.342.565	9.290.352,10	20.269,66	274,89
Kỳ cuối Tháng 11/2020	188.778.967.740	9.271.639,74	20.360,90	91,24
Kỳ 1 Tháng 12/2020	189.356.420.612	9.271.639,74	20.423,18	62,28
Kỳ 2 Tháng 12/2020	189.579.116.447	9.173.642,65	20.665,63	242,45
Kỳ 3 Tháng 12/2020	189.997.560.191	9.115.057,94	20.844,36	178,73
Kỳ 4 Tháng 12/2020	192.100.459.159	9.110.032,44	21.086,69	242,33
Kỳ 5 Tháng 12/2020	193.134.686.369	9.080.101,66	21.270,10	183,41
Kỳ cuối Tháng 12 2020	193.307.376.421	9.056.766,34	21.343,97	73,87

Giá trị tài sản ròng bình quân năm

180.703.729.192

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức cao nhất

(1.398,40)

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm mức thấp nhất

0,26

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

21. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	<i>Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)</i>
Đến một năm	9.056.766,34	10.181.438,91

22. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUỸ

	<i>Năm nay (%)</i>	<i>Năm trước (%)</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động	2,24	2,03
Tốc độ vòng quay danh mục	41,49	27,79

22.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

22.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong kỳ} + \text{Tổng giá trị bán trong kỳ})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quý. Quý cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

23.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

(i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi của Quý. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quý. Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các tài sản tài chính cho thu nhập cố định, có rủi ro lãi suất thấp và Quý đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi có lãi suất ổn định tại ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quý cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết của Quý là 127.105.686.080 đồng. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ giảm khoảng 12.710.568.608 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá trị thị trường của các chứng khoán này tăng 10% thì kết quả hoạt động của Quý sẽ tăng khoảng 12.710.568.608 đồng.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

23. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi bộ phận quản lý đầu tư của Quý theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với trái phiếu doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp. Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

23.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

24. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	21.243.175.890	21.243.175.890	1.538.354.893	1.538.354.893
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	4.702.380.553	4.702.380.553	1.538.354.893	1.538.354.893
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	16.540.795.337	16.540.795.337	-	-
Các khoản đầu tư thuần	169.949.434.205	169.949.434.205	197.741.560.077	197.741.560.077
- Cổ phiếu niêm yết	103.769.496.400	103.769.496.400	142.623.524.650	142.623.524.650
- Trái phiếu doanh nghiệp	36.179.937.805	36.179.937.805	23.192.741.610	23.192.741.610
- Chứng chỉ tiền gửi	20.000.000.000	20.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	10.000.000.000	10.000.000.000	16.925.293.817	16.925.293.817
Các khoản phải thu	2.885.212.751	2.885.212.751	2.902.803.418	2.902.803.418
	194.077.822.846	194.077.822.846	202.182.718.388	202.182.718.388
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	39.907.859	39.907.859	110.003.019	110.003.019
Chi phí phải trả	145.200.000	145.200.000	72.600.000	72.600.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ	141.004.691	141.004.691	759.400.000	759.400.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	124.494.491	124.494.491	124.494.491	124.494.491
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở	313.458.495	313.458.495	359.477.515	359.477.515
	764.065.536	764.065.536	1.425.975.025	1.425.975.025

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ, phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại Thuyết minh 3.3.

Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>VNĐ</u>	<u>Năm trước</u> <u>VNĐ</u>
Giá dịch vụ quản lý quỹ	<u>2.711.457.714</u>	<u>3.913.165.480</u>
Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:		
	<u>Số cuối năm</u> <u>VNĐ</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VNĐ</u>
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	<u>243.098.495</u>	<u>282.297.515</u>

b) Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	<u>Năm nay</u> <u>VNĐ</u>	<u>Năm trước</u> <u>VNĐ</u>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Thù lao của Ban Đại diện Quỹ không có số dư tại thời điểm cuối năm.

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

c) Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ

Chi tiết số lượng đơn vị quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ (%)
Franklin Templeton Capital Holdings Private Limited	Chủ sở hữu chiếm 49% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	2.500.000,00	27,60	2.500.000,00	24,55
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	1.409.027,88	15,56	1.409.027,88	13,84
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Công ty con của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - chủ sở hữu chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ	860.930,47	9,51	860.930,47	8,46
Bên liên quan khác		62.379,00	0,69	107.425,86	1,05
		4.832.337,35	53,36	4.877.384,21	47,90

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

25.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và giá dịch vụ lưu ký là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,04% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quý với mức tối thiểu là 18.000.000 đồng một tháng, mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ/giao dịch.

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Giá dịch vụ giám sát	237.600.000	237.600.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	216.000.000	216.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	39.820.000	35.640.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ	237.600.000	237.600.000
Lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	18.049.597	58.393.498
Phí ngân hàng	3.733.950	3.847.718

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Tiền gửi thanh toán	4.702.380.553	1.538.354.893
Phải trả dịch vụ giám sát	19.800.000	19.800.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	18.000.000	18.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	1.760.000	8.580.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	19.800.000	19.800.000

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank
Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

26. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Bà Trần Thị Hà Linh
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ



Ông Vũ Quang Đông
Tổng Giám đốc



Bà Võ Thị Thùy Linh
Người lập biểu



Bà Nguyễn Băng Tâm
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021